

Bản án số: 828/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phú

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 601/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 559/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung C, sinh năm 1985

Địa chỉ: 98/37 đường Q, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1986

Địa chỉ: 98/37 đường Q, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 21/6/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Trần Trung C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 25; Quyền số: 01/2010 do UBND xã K, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 12/4/2010). Quá trình chung sống không hạnh phúc do bà Trang mãi chơi không chăm lo cho gia đình, bà T mê game bắn cá, hơn 1 năm qua cứ đi từ sáng đến đêm mới về, ông đã phải trả nợ cho bà Trang rất nhiều, ngoài ra còn phải đi chuộc bà T về rất nhiều lần nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 2 con chung là Trần Nguyễn Tuyết L, sinh ngày 25/01/2012 và Trần Nguyễn Đại P, sinh ngày 09/02/2020. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung, không yêu cầu bà Trang cấp dưỡng nuôi con. Ông yêu cầu nuôi hai con là do nhiều lần xã hội đen đến đòi nợ nên ông sợ xã hội đen bắt cóc con, thu nhập hàng tháng của ông từ 60-70 triệu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bà đồng ý ly hôn vì quá trình chung sống ông C thường xuyên chửi bà, coi thường bà không lo cho con cái, nhà cửa, thường xuyên đi nhậu. Từ ngày 05/5/2023 đến nay ông C mới chăm con, không cho bà chăm con, bà không chơi game, cờ bạc, gây nợ như ông C trình bày. Từ khi lấy ông C bà ở nhà chăm lo cho con và nội trợ không đi làm, hàng tháng ông C đưa tiền để sinh hoạt trong gia đình, từ tháng 5/2023 ông C nuôi con, bà bắt đầu đi làm bán hàng cho người ta thu nhập chỉ đủ để nuôi bản thân. Mẹ bà hứa sẽ cho đất ở Tiền Giang, bà sẽ dùng số tiền chia tài sản với ông C để xây nhà ở, phần còn lại thì bà và con sinh sống là đủ.

Về con chung: Có 2 con chung là Trần Nguyễn Tuyết L, sinh ngày 25/01/2012 và Trần Nguyễn Đại P, sinh ngày 09/02/2020. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi trẻ P, giao trẻ L cho ông Cường nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Bà dự định sau khi ly hôn sẽ cho trẻ P về quê sinh sống, có ông bà ngoại về hưu phụ chăm sóc.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn – ông Trần Trung C trình bày: Quá trình chung sống bà T nhiều lần bỏ nhà đi, có khi đi 2-3 đêm mới về, ngoài ra bà T còn mê game bắn cá ông đã phải trả nợ rất nhiều lần, ngày 05/5/2023 bà T còn viết giấy giao hai con cho ông nuôi. Ông yêu cầu được ly hôn với bà T, được nuôi hai con vì hiện tại ông đang là người trực tiếp nuôi hai con, cháu lớn đi học trường Ngô Quyền ở Phường 13, còn cháu nhỏ thì đi học ở gần nhà. Ông sửa và mua bán máy tính thu nhập hàng tháng từ 50-60 triệu, có 2-3 nhân viên làm nên chủ động thời gian, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, không ngăn cản bà T thăm con nhưng bà T phải cam kết khi thăm con không được đưa con đến xem game bắn cá. Ông và bà T đã thỏa thuận xong phần tài sản nên hiện tại không có tài sản chung, nợ chung không có.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bà đồng ý ly hôn với ông C, bà không cờ bạc như ông C trình bày, khi còn sống chung ông C thường đánh, chửi bà, mỗi tháng đưa cho bà 20.000.000đ mà bà phải lo mọi thứ. Các con từ khi sinh ra bà là người chăm sóc, chỉ gần đây ông C mới chăm sóc, trẻ P chậm phát triển, không muốn tiếp xúc với người lạ nên 4 giờ 30 chiều bé đi học về bà muốn giành

nhiều thời gian để trò chuyện cùng con thì ông C lại rất cầu kỳ trong ăn uống nên bà phải mất nhiều thời gian nấu ăn không có nhiều thời gian cho con. Bà yêu cầu được nuôi trẻ P, giao trẻ L cho ông C nuôi, bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, hiện bà bán quần áo thuê thời gian từ 8 giờ sáng đến 3 giờ chiều, thu nhập 5-6 triệu/tháng. Bà có bằng kế toán nên sau khi ly hôn với ông C bà sẽ cho trẻ P về quê sinh sống để ông bà ngoại phụ bà nuôi con, bà và ông C không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T có nơi cư trú tại quận Tân Bình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông C thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông C, Bị đơn – bà T có mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 25; Quyền số: 01/2010 do UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 12/4/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông C vẫn yêu cầu được ly hôn với bà T do quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Bà T cũng đồng ý ly hôn do quá trình chung sống không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông C yêu cầu ly hôn, bà T đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 31/2012; Quyền số: 01/2012 do UBND xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/02/2012 và bản sao Giấy khai sinh số: 87 do UBND Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/02/2020 thì trẻ Trần Nguyễn Tuyết L, sinh ngày 25/01/2012 và Trần Nguyễn Đại P, sinh ngày 09/02/2020 là con chung của ông Trần Trung C và bà Nguyễn Thị Hồng T.

Ông C yêu cầu được nuôi 2 con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Bà T yêu cầu được nuôi trẻ P, giao trẻ L cho ông C nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Ông C có nhiều thuận lợi hơn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ L, trẻ P đó là đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con, có nhà ở ổn định, có thu nhập tốt, chủ động thời gian trong sinh hoạt hàng ngày. Trẻ L đang học tiểu học, trẻ P đang

học gần nhà nên để đảm bảo sinh hoạt, học tập của trẻ và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ L là được ở với bố nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ L, trẻ P cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ L, trẻ P đối với bà T do ông C không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C, bà T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được miễn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Trần Trung C.

a. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Trung C và bà Nguyễn Thị Hồng T.

b. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Trần Nguyễn Tuyết L, sinh ngày 25/01/2012 và Trần Nguyễn Đại P, sinh ngày 09/02/2020 cho ông Trần Trung C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Nguyễn Tuyết L và Trần Nguyễn Đại P đối với bà Nguyễn Thị Hồng T do ông Trần Trung C không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Trần Trung C chịu, được miễn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trần Trung C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0023300 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Trần Trung C, bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương